

HSK (一级)

一、听力 NGHE KỸ & TRẢ LỜI THEO YÊU CẦU CỦA MỖI PHẦN

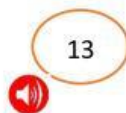
第 1-5 题 Điền Đ or S

1		
2		
3		
4		
5		

第 6-10 题 Chọn hình đúng

6			
7			
8			
9			
10			

第 11-15 题: **NÓI HÌNH** với **SỐ** thích hợp



第 16-20 题 **Chọn đáp án chính xác**

16.	A 7 块	B 8 块	C 18 块
17.	A 饭店	B 家里	C 朋友家
18.	A 写字	B 看电视	C 打电话
19.	A 星期五	B 星期六	C 星期日
20.	A 开车	B 坐飞机	C 坐火车

二、阅读 PHẢN ĐỌC

第 21-25 题 Nói từ với hình ảnh tương ứng

水

读

工作

睡觉

椅子



第 26-30 题 Nói câu với hình ảnh tương ứng

26. 这些都是张小姐的。



A.

27. 没关系，不会做没关系。



B.

28. 10 月前我回来，再见。



C.

29. 对不起，今天天气太热了。



D.

30. 妈妈，我不爱吃这个菜。



E.

第 31-35 题 Nói câu hỏi với câu trả lời tương ứng

31. 医生！医生在哪儿？
32. 谁在说话？
33. 李先生是什么时候来的？
34. 我们去下面吃？
35. 那几本书怎么样？

A. 都很好
B. 昨天下午
C. 那儿
D. 听你的
E. 后面的

第 36-40 题 Dựa vào các từ cho trước, viết đáp án cho từng câu

能 住 认识 坐 谢谢

36. 我在中国（ ）了 4 年了。

37. 爸爸，下雨了，我们怎么回家？（ ）出租车吗？

38. （ ）来这儿学习汉语，我很高兴。

39. 女：（ ）你请我看电影。

男：不客气。

40. 女：你（ ）他？他是谁？

男：他是我的学生。

